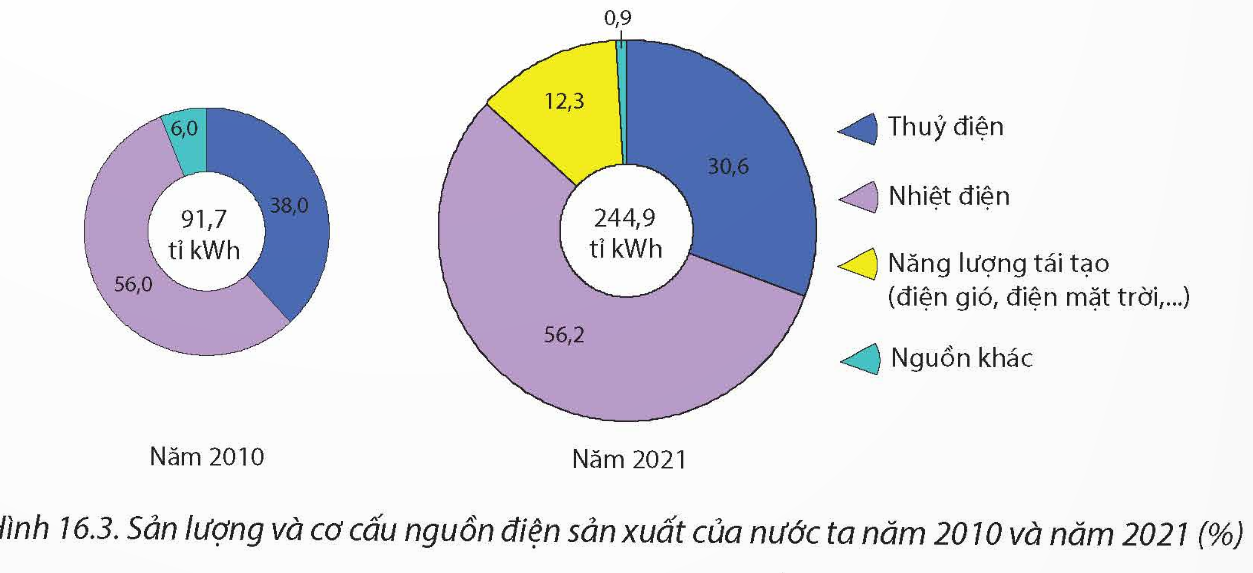
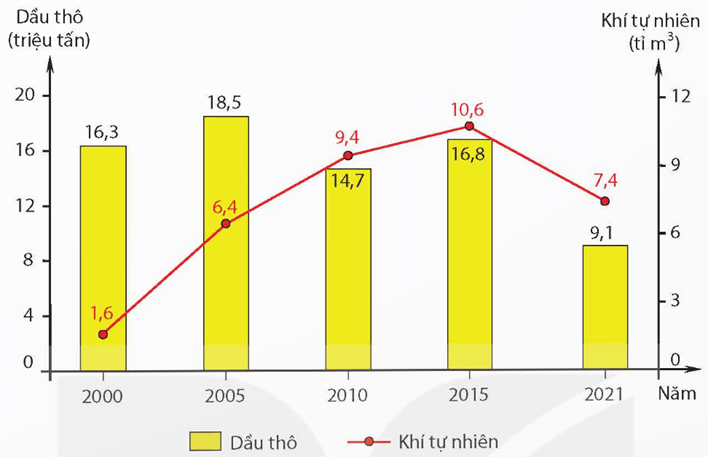
# TOP 10 đề thi Học kì 1 Địa lí 12 (Kết nối tri thức) năm 2024 có đáp án

Chỉ từ 100k mua trọn bộ Đề thi Học kì 1 Địa lí 12 Kết nối tri thức bản word có lời giải chi tiết:  
B1: Gửi phí vào tài khoản 0711000255837 - NGUYEN THANH TUYEN - Ngân hàng Vietcombank **(QR)**  
B2: Nhắn tin tới zalo Vietjack Official - nhấn vào đây để thông báo và tài liệu.  
Xem thử tài liệu tại đây: Link tài liệu  
**Bộ đề thi Học kì 1 Địa lí 12 (Kết nối tri thức) có đáp án**  
**Sở Giáo dục và Đào tạo ...**  
**Đề thi Học kì 1 - Kết nối tri thức**  
**Năm học ...**  
**Môn: Địa Lí 12**  
*Thời gian làm bài: phút*  
**(Đề 1)**  
PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.  
Câu 1. Ngành kinh tế nào sau đây có đóng góp vảo GDP cao nhất?  
A. Công nghiệp.   
B. Dịch vụ.   
C. Nông nghiệp.   
D. Xây dựng.  
Câu 2. Trên lãnh thổ nước ta có bao nhiêu con sông dài trên 10km?  
A. 3 260 con sông.   
B. 3 620 con sông.   
C. 2 630 con sông.   
D. 2 360 con sông.  
Câu 3. Ven các thành phố lớn hiện nay phát triển mạnh chăn nuôi gia sức lớn nào sau đây?  
 A. Bò thịt.   
B. Bò sữa.   
C. Trâu thịt.   
D. Ngựa.   
Câu 4. Hoạt động khai thác hải sản ở ngư trường nào sau đây của nước ta ít bị ảnh hưởng của bão?  
 A. Hải Phòng – Quảng Ninh.   
B. Ninh Thuận – Bình Thuận.  
 C. Hoàng Sa – Trường Sa.   
D. Cà Mau – Kiên Giang.  
Câu 5. Cây điều được trồng nhiều nhất ở vùng nào sau đây?  
 A. Bắc Trung Bộ.   
B. Đồng bằng sông Hồng.  
 C. Đông Nam Bộ.   
D. Tây Nguyên.   
Câu 6. Ý nghĩa chủ yếu của công tác trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay là  
A. nâng cao chất lượng rừng, điều hoà nguồn nước ngầm.  
B. bảo tồn nguồn gen, khai thác hiệu quả các lâm sản quý.  
C. góp phần giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.   
 D. sử dụng bền vững tài nguyên, đảm bảo cân bằng sinh thái.   
Câu 7. Ở miền Bắc đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có độ cao nào dưới đây?  
 A. Từ 600-700m lên 1600m.   
B. Từ 700-800m lên 2600m  
 C. Từ 600-700m lên 2600m.   
D. Từ 700-800m lên 1600m.   
Câu 8. Nước ta không có vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm nào sau đây?  
 A. Bắc Trung Bộ.   
B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
 C. Tây Nguyên.   
D. Đông Nam Bộ.   
Câu 9. Nước ta giàu có về tài nguyên khoáng sản là do  
 A. tiếp giáp với đường hàng hải, hàng không quốc tế.  
 B. nằm trên vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.  
 C. nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương, nhiều mỏ.  
 D. trên đường di cư và di lưu của nhiều động thực vật.   
Câu 10. Khó khăn chủ yếu trong phát triển chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay là   
A. thị trường biến động, dịch bệnh đe doạ ở diện rộng.   
B. vốn đầu tư còn hạn chế, thiên tai gây tác động xấu.   
C. hình thức chăn nuôi nhỏ, phân tán vẫn còn phổ biến.   
 D. quy mô chăn nuôi còn nhỏ, trình độ lao động chưa cao.   
Câu 11. Đồng bằng sông Hồng là vùng có giá trị sản xuất công nghiệp đứng thứ hai cả nước, sau vùng nào sau đây?  
 A. Bắc Trung Bộ.   
B. Đông Nam Bộ.  
 C. Tây Nguyên.   
D. Đồng bằng sông Cửu Long.   
Câu 12. Tỉ trọng nhóm tuổi từ 60 trở lên ở nước ta có xu hướng tăng là do  
 A. mức sống được nâng cao.   
B. tuổi thọ trung bình thấp.  
 C. hệ quả của tăng dân số.   
D. tỉ lệ gia tăng dân số giảm.   
Câu 13. Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta là  
A. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.   
B. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.   
C. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.   
D. sử dụng hợp lí nguồn lao động dồi dào trong nước.   
Câu 14. Ở nước ta, tỉ lệ thất nghiệp phổ biến nhất ở khu vực nào sau đây?  
 A. Đồng bằng.   
B. Nông thôn.   
C. Thành thị.   
D. Miền núi.   
Câu 15. Ảnh hướng lớn nhất của đô thị hóa tới sự phát triển kinh tế ở nước ta là  
 A. giải quyết việc làm và gia tăng phúc lợi.   
B. tăng thêm tỉ lệ lao động có chuyên môn.  
 C. thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.   
D. mở rộng thị trường trong và ngoài nước.   
Câu 16. Yếu tố nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và sản xuất đồ uống nước ta có cơ cấu đa dạng?  
A. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú và thị trường tiêu thụ rộng lớn.   
B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.   
C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nhiều thành phần kinh tế tham gia.   
 D. Nhiều thành phần kinh tế cùng sản xuất và nguyên liệu phong phú.   
Câu 17. Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở ĐBSH chủ yếu do   
A. trình độ lao động cao, ứng dụng kĩ thuật tiên tiến.   
B. lao động giàu kinh nghiệm, nguồn vốn đầu tư lớn.   
C. dịch vụ thú y phát triển, nguồn thức ăn đảm bảo.   
 D. nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.   
Câu 18. Định hướng phát triển công nghiệp dệt, may và giày, dép nước ta hiện nay không phải là  
A. ưu tiên tập trung sản xuất sản phẩm gia công.   
B. chủ động sản xuất nguyên phụ liệu trong nước   
C. ưu tiên và tập trung vào thiết kế các mẫu mã.   
D. đẩy mạnh khai thác các thị trường xuất khẩu.   
Câu 19. Định hướng phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm nước ta hiện nay không phải là  
A. ưu tiên đầu tư các vùng nguyên liệu quy mô nhỏ.   
B. ưu tiên các sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao.   
C. đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào đủ tiêu chuẩn.   
D. xây dựng và phát triển các thương hiệu đặc trưng.   
Câu 20. Khu công nghệ cao nào sau đây của nước ta được thành lập muộn nhất?  
 A. Khu công nghệ cao Hoà Lạc.  
 B. Khu công nghệ cao Thành phố Cần Thơ.  
 C. Khu công nghệ cao Đà Nẵng.  
 D. Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai.   
PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.  
Câu 1. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:  
“Chăn nuôi đang từng bước phát triển để trở thành ngành sản xuất quan trọng. Năm 2021, ngành chăn nuôi chiếm 34,7 % giá trị sản xuất nông nghiệp của cả nước. Các vật nuôi chủ yếu ở nước ta là: trâu, bò, lợn, dê và gia cầm (gà, vịt,...). Hình thức chăn nuôi trang trại áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật ngày càng được chú trọng. Các công nghệ về chế biến, giống, thức ăn, thuốc thú y,... được đầu tư.”  
(Nguồn: dẫn theo SGK Địa lí 12 - bộ sách Cánh diều, trang 52)  
 a) Hình thức chăn nuôi trang trại ngày càng phổ biến vì giúp rút ngắn thời gian nuôi dưỡng, năng suất sản phẩm cao và ổn định.  
 b) Cơ cấu vật nuôi đa dạng, các vật nuôi chủ yếu như ngựa, dê, cừu, …  
 c) Tỉ trọng ngành chăn nuôi ngày càng thấp trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.  
 d) Ngành chăn nuôi đang chuyển đổi theo hướng công nghiệp gắn với thị trường, tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao.  
Câu 2. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:  
“Vùng sinh thái nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều loại cây trồng và vật nuôi quan trọng cho kinh tế và đời sống của người dân. Các loại cây trồng chủ yếu là lúa, ngô, sắn, khoai lang, cây công nghiệp như chè, cà phê, cao su, điều, mía và các loại rau quả. Các loại vật nuôi chủ yếu là bò sát, trâu, bò, lợn, gà, vịt và các loài thủy sản như cá, tôm, cua. Vùng này cũng có nhiều loài hoang dã như voi, gấu, khỉ, hươu, nai và các loài chim.”  
(Nguồn: dẫn theo “Các đặc điểm của 7 vùng sinh thái nông nghiệp ở   
Việt Nam”- Trang https://luatduonggia.vn/, 01/09/2024)  
 a) Vùng sinh thái nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ thuận lợi phát triển các loại cây trồng xích đạo.  
 b) Vùng sinh thái nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ thuận lợi phát triển chăn nuôi trâu, bò nhờ đặc điểm khí hậu, địa hình và diện tích đồng cỏ lớn.  
 c) Vùng sinh thái nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều loại cây trồng và vật nuôi quan trọng cho kinh tế và đời sống của người dân.  
 d) Vùng sinh thái nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ có loại cây công nghiệp phát triển kém nhất là cây chè.  
Câu 3. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:  
“Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước đã thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ. Cơ cấu công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng hiện đại, nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số, khai thác triệt để cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.”  
(Nguồn: dẫn theo SGK Địa lí 12 - bộ sách Cánh diều, trang 63)  
 a) Cơ cấu công nghiệp của nước ta chuyển dịch gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.0.  
 b) Cơ cấu công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu thị trường.  
 c) Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước đã thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần khu vực và theo lãnh thổ.  
 d) Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở nước ta diễn ra với tốc độ rất nhanh.  
Câu 4. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:  
“Khu chế xuất là một loại hình trong khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục áp dụng đối với khu công nghiệp. Đến nay, cả nước có 4 khu chế xuất: Tân Thuận, Linh Trung I, II, III tập trung ở Thành phố Hồ Chí Minh.”  
(Nguồn: dẫn theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28-5-2022)  
 a) Việt Nam hiện nay có 5 khu chế xuất bao gồm Tân Thuận, Linh Trung I, II, III, IV.  
 b) Khu chế xuất là một loại hình trong khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất nhập khẩu.  
 c) Mục đích của khu chế xuất là để nâng cao kim ngạch xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư nhằm giải quyết công ăn việc làm.  
 d) Khu chế xuất là khu công nghiệp đặc biệt chỉ dành cho việc sản xuất, chế biến những sản phẩm để xuất khẩu ra nước ngoài.  
PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.  
Câu 1. Biết ở nước ta, năm 2000 GDP đạt 441 nghìn tỉ đồng, năm 2021 GDP đạt 8 487,5 nghìn tỉ đồng. Coi GDP năm 2000 là 100 %, tính tốc độ tăng trưởng GDP năm 2021 (đơn vị tính: %, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).   
Câu 2. Cho bảng số liệu:   
Diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 – 2021  
(Đơn vị: triệu ha)  
  
  
  
  
  
Năm  
Tiêu chí  
  
  
1943  
  
  
2010  
  
  
2021  
  
  
  
  
Tổng diện tích rừng  
  
  
14,3  
  
  
13,4  
  
  
14,7  
  
  
  
  
- Diện tích rừng tự nhiên  
  
  
14,3  
  
  
10,3  
  
  
10,1  
  
  
  
  
- Diện tích rừng trồng  
  
  
0,0  
  
  
3,1  
  
  
4,6  
  
  
  
  
  
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)  
Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết từ năm 1943 đến năm 2021, diện tích rừng của nước ta tăng được bao nhiêu triệu ha?   
Câu 3. Cho biểu đồ:  
Sản lượng và cơ cấu nguồn điện sản xuất của nước ta   
năm 2010 và năm 2021 (Đơn vị: %)  
  
(Nguồn: Tập đoàn điện lực Việt Nam)  
Sản lượng điện của nhiệt điện nước ta năm 2021 so với năm 2010 tăng bao nhiêu tỉ kWh? (làm tròn đến chữ số thập phân đầu tiên).   
Câu 4. Cho bảng số liệu:  
SẢN LƯỢNG SỮA TƯƠI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021  
  
  
  
  
  
Năm  
  
  
2010  
  
  
2015  
  
  
2020  
  
  
2021  
  
  
  
  
Sữa tươi (triệu lít)  
  
  
520,6  
  
  
1 027,9  
  
  
1 296,8  
  
  
1 288,2  
  
  
  
  
  
(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2016, 2022)  
Tính sản lượng sữa tươi năm 2021 gấp mấy lần sản lượng sữa tươi năm 2010 (đơn vị tính: lẫn, làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).   
**ĐÁP ÁN**  
PHẦN I.  
(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)  
  
  
  
  
  
Câu  
  
  
1  
  
  
2  
  
  
3  
  
  
4  
  
  
5  
  
  
6  
  
  
7  
  
  
8  
  
  
9  
  
  
10  
  
  
  
  
Đáp án  
  
  
B  
  
  
D  
  
  
B  
  
  
D  
  
  
C  
  
  
D  
  
  
C  
  
  
A  
  
  
B  
  
  
A  
  
  
  
  
Câu  
  
  
11  
  
  
12  
  
  
13  
  
  
14  
  
  
15  
  
  
16  
  
  
17  
  
  
18  
  
  
19  
  
  
20  
  
  
  
  
Đáp án  
  
  
B  
  
  
A  
  
  
B  
  
  
C  
  
  
C  
  
  
A  
  
  
D  
  
  
A  
  
  
A  
  
  
D  
  
  
  
  
  
PHẦN II.  
(Mỗi lựa chọn đúng thí sinh được 0,25 điểm)  
  
  
  
  
   
  
Nội dung a  
  
  
Nội dung b  
  
  
Nội dung c  
  
  
Nội dung d  
  
  
  
  
Câu 1  
  
  
Đ  
  
  
S  
  
  
S  
  
  
Đ  
  
  
  
  
Câu 2  
  
  
S  
  
  
Đ  
  
  
Đ  
  
  
S  
  
  
  
  
Câu 3  
  
  
Đ  
  
  
Đ  
  
  
S  
  
  
S  
  
  
  
  
Câu 4  
  
  
S  
  
  
S  
  
  
Đ  
  
  
Đ  
  
  
  
  
  
PHẦN III.  
(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)  
Câu 1. 1925%.  
Câu 2. 0,4 triệu ha.  
Câu 3. 86,2%.  
Câu 4. 2,5 lần.  
.........................................................  
.........................................................  
.........................................................  
================================  
**Sở Giáo dục và Đào tạo ...**  
**Đề thi Học kì 1 - Kết nối tri thức**  
**Năm học ...**  
**Môn: Địa Lí 12**  
*Thời gian làm bài: phút*  
**(Đề 2)**  
**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.*  
**Câu 1.** Xu hướng chuyển dịch trong khu vực I ở nước ta hiện nay  
A. giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.  
B. tăng tỉ trọng ngành thủy sản.  
C. tăng tỉ trọng ngành lâm nghiệp.  
D. giảm tỉ trọng ngành thủy sản.  
**Câu 2.** Quá trình feralit diễn ra mạnh mẽ ở  
A. vùng đồi núi thấp.  
B. khu vực núi cao.  
C. ven biển, các đảo.  
D. trung du, hải đảo.  
**Câu 3.** Hai vùng trồng cây ăn quả lớn nhất ở nước ta hiện nay là  
A. BTB&DHMT, TD&MNBB.  
B. ĐBSCL, Đông Nam Bộ.  
C. TD&MNBB, Đông Nam Bộ.  
D. ĐBSCL, TD&MNBB.  
**Câu 4.** Ngư trường nào sau đây không được xác định là ngư trường trọng điểm?  
A. Cà Mau - Kiên Giang.  
B. Thanh Hóa - Nghệ An.  
C. Ninh Thuận - Bình Thuận.  
D. Hải Phòng - Quảng Ninh.  
**Câu 5.** Cơ cấu nông nghiệp nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào sau đây?  
A. Tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.  
B. Giảm tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành trồng trọt.  
C. Giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.  
D. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.  
**Câu 6.** Thuận lợi về kinh tế - xã hội đối với ngành thủy sản nước ta là  
A. nguồn lợi hải sản vùng biển khá phong phú.  
B. dân số đông, nhiều tàu thuyền công suất lớn.  
C. thị trường trong nước, ngoài nước mở rộng.  
D. nhiều khu vực thuận lợi nuôi trồng thủy sản.  
**Câu 7.** Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở vùng núi nào sau đây của nước ta?  
A. Tây Bắc.  
B. Trường Sơn Bắc.  
C. Đông Bắc.  
D. Trường Sơn Nam.  
**Câu 8.** Tây Nguyên là vùng chuyên canh lớn nhất về các loại công nghiệp lâu năm nào sau đây?  
A. Chè, tiêu, điều.  
B. Cà phê, cao su.  
C. Cao su, bông.  
D. Cao su, hồ tiêu.  
**Câu 9.** Nhờ có biển Đông mà nước ta có  
A. thiên nhiên nhiệt đới gió mùa, mùa đông lạnh.  
B. thiên nhiên phân hóa đa dạng theo bắc - nam.  
C. khí hậu khô và nóng như các nước ở châu Phi.  
D. thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.  
**Câu 10.** Ý nghĩa lớn nhất của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là  
A. tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động địa phương.  
B. tạo ra nhiều sản phẩm tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.  
C. giúp bảo quản tốt sản phẩm hàng hoá sau thu hoạch.  
D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.  
**Câu 11.** Các khu công nghệ cao tập trung chủ yếu ở  
A. đô thị lớn.  
B. ven biển.  
C. vùng núi.  
D. các đảo.  
**Câu 12.** Thu nhập bình quân của lao động nước ta chưa cao do  
A. tuổi thọ trung bình thấp.  
B. người lao động rất đông.  
C. năng suất lao động thấp.  
D. phân bố dân cư khá đều.  
**Câu 13.** Lợi thế của nước ta trong việc phát triển công nghiệp hiện nay là  
A. nguồn nhiên liệu phân bố đều ở các vùng.  
B. nguồn lao động đông, chất lượng nâng lên.  
C. thu hút vốn đầu tư lớn, chính sách ưu tiên.  
D. thị trường nội địa mạnh, hạn chế thiên tai.  
**Câu 14.** Vùng nào ở nước ta có mật độ dân số thấp nhất?  
A. Tây Bắc.  
B. Tây Nguyên.  
C. Bắc Trung Bộ.  
D. Đông Nam Bộ.  
**Câu 15.** Hậu quả của đô thị hóa tự phát **không** phải là  
A. sức ép lớn vấn đề việc làm.  
B. gây ra ô nhiễm môi trường.  
C. mất an ninh, trật tự xã hội.  
D. cải thiện đời sống nhân dân.  
**Câu 16.** Xu hướng của ngành điện nước ta là  
A. tiếp tục phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.  
B. chỉ tập trung các nguồn lực phát triển mạnh thuỷ điện.  
C. phát triển đồng đều các nguồn điện ở các vùng lãnh thổ.  
D. chỉ đổi mới công nghệ các nhà máy điện đang xây dựng.   
**Câu 17.** Đặc điểm nào sau đây đúng với ngành chăn nuôi nước ta hiện nay?  
A. Có tỉ trọng rất lớn trong nông nghiệp.  
B. Hướng đến nền sản xuất hàng hoá.  
C. Chủ yếu đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.  
D. Chỉ tập trung ở các vùng đồng bằng.  
**Câu 18.** Bể trầm tích nào sau đây có trữ lượng dầu khí lớn nhất ở nước ta?  
A. Sông Hồng.  
B. Phú Khánh.  
C. Thổ Chu - Ma-lay.  
D. Nam Côn Sơn.  
**Câu 19.** Hệ thống lưới điện 500 kV với tuyến chính kéo dài từ  
A. Điện Biên đến An Giang.  
B. Lai Châu đến Đà Nẵng.  
C. Lai Châu đến Cần Thơ.  
D. Điện Biên đến Long An.  
**Câu 20.** Khu công nghệ cao nào sau đây thuộc trung tâm công nghiệp Hà Nội?  
A. Khu công nghệ cao Hoà Lạc.  
B. Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.  
C. Khu công nghệ cao Đà Nẵng.  
D. Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai.  
**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*  
**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:  
“Trồng trọt là ngành chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Hiện nay, ngành trồng trọt đang ứng dụng khoa học – công nghệ vào sản xuất như cơ giới hoá, tự động hoá, các mô hình canh tác mới,... nên hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích ngày càng được nâng cao. Nhiều sản phẩm ngành trồng trọt là mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao. Cơ cấu cây trồng đang có sự chuyển đổi từ cây trồng có giá trị kinh tế và hiệu quả không cao sang cây trồng khác cho giá trị kinh tế và hiệu quả cao hơn, đáp ứng nhu cầu thị trường.  
Cơ cấu cây trồng nước ta đa dạng, bao gồm: cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây rau, đậu và các cây trồng khác.”  
*(Nguồn: dẫn theo SGK Địa lí 12 - bộ sách Chân trời sáng tạo, trang 49)*  
a) Trồng trọt là ngành chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp ở nước ta.  
b) Khí hậu phân hóa đa dạng kết hợp với địa hình, đất, nước tạo điều kiện cho nước ta phát triển cơ cấu cây trồng đa dạng.  
c) Cơ cấu cây trồng đang có sự chuyển đổi sang cây trồng cho giá trị kinh tế và hiệu quả cao hơn, đáp ứng nhu cầu thị trường.  
d) Một trong những sản phẩm của ngành trồng trọt có giá trị cao xuất khẩu là lúa mì.  
**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:  
“Vùng sinh thái nông nghiệp ở nước ta được hình thành dựa trên sự khác biệt về điều kiện sinh thái nông nghiệp, điều kiện kinh tế – xã hội, trình độ thâm canh và chuyên môn hoá sản xuất nông nghiệp ở mỗi vùng.”  
*(Nguồn: dẫn theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019)*  
a) Vùng nông nghiệp cho phép khai thác tốt các điều kiện sinh thái nông nghiệp ở mỗi vùng tạo ra sự đa dạng hóa trong sản phẩm nông nghiệp.  
b) Nước ta có 6 vùng sinh thái nông nghiệp.   
c) Một trong những ý nghĩa của việc hình thành vùng nông nghiệp ở nước ta là thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ trên cả nước.  
d) Các vùng hình thành dựa trên sự tương đồng về điều kiện sinh thái và kinh tế - xã hội.  
**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:  
“Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ là kết quả tác động của hàng loạt nhân tố, phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và các chính sách phát triển công nghiệp, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, khoa học – công nghệ, cải thiện cơ sở hạ tầng,... Định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phân bố không gian công nghiệp nước ta hướng đến phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại các ngành công nghiệp, phát triển tập trung, không dàn đều, đảm bảo bảo vệ môi trường, quốc phòng an ninh.”  
*(Nguồn: dẫn theo SGK Địa lí 12 - bộ sách Kết nối tri thức, trang 68)*  
a) Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ hướng đến sự phân bố lao động có hiệu quả hơn.  
b) Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ hướng đến sự phát triển các tổ hợp công nghiệp tập trung ở những địa bàn trọng điểm với quy mô lớn và có hiệu quả cao.  
c) Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ chú trọng vào việc đa dạng hóa các sản phẩm công nghiệp ở mỗi vùng, địa phương.  
d) Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ chưa phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế.  
**Câu 4.** Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:  
“Trung tâm công nghiệp là nơi tập trung hoạt động công nghiệp gắn với đô thị lớn và vừa. Mỗi trung tâm công nghiệp thường có một hoặc một số ngành chuyên môn hoá, là hạt nhân phát triển vùng và địa phương. Các trung tâm công nghiệp ở nước ta ngày càng phát triển và rất đa dạng, được phân loại dựa vào vai trò của nó trong phân công lao động theo lãnh thổ, quy mô giá trị sản xuất công nghiệp, tính chất chuyên môn hoá,... Căn cứ vào giá trị sản xuất công nghiệp, có thể chia các trung tâm công nghiệp thành các trung tâm rất lớn (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng); các trung tâm lớn (Phổ Yên, Từ Sơn, Biên Hoà,...); các trung tâm trung bình (Bắc Giang, Dung Quất, Cần Thơ,...) và các trung tâm nhỏ (chiếm đa số, phân bố rộng khắp cả nước).”  
*(Nguồn: dẫn theo SGK Địa lí 12 - bộ sách Cánh diều, trang 75)*  
a) Trung tâm công nghiệp được hiểu là một khu vực có ranh giới xác định, nằm xa các đô thị.  
b) Căn cứ vào giá trị sản xuất công nghiệp, có thể chia các trung tâm công nghiệp thành các trung tâm rất lớn; các trung tâm lớn; các trung tâm trung bình và các trung tâm rất nhỏ.  
c) Trung tâm công nghiệp thường có một hoặc một số ngành chuyên môn hoá.  
d) Trung tâm công nghiệp là nơi tập trung hoạt động công nghiệp gắn với đô thị lớn và vừa.  
**PHẦN III.** **Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.*  
**Câu 1.** Biết ở nước ta năm 2021, GDP đạt 8 487,5 nghìn tỉ đồng, GDP của nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản là 1 069,7 nghìn tỉ đồng. Tính tỉ trọng GDP của khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của nước ta năm 2021 (đơn vị tính: %, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).  
**Câu 2.** Năm 2021, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 134,5 nghìn ha; diện tích rừng là 14,7 triệu ha. Tính độ che phủ rừng của nước ta năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).  
**Câu 3.** Cho biểu đồ:  
*Sản lượng dầu thô và khí tự nhiên khai thác trong nước giai đoạn 2000 – 2021*  
  
*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2001, 2006, 2011, 2016, 2022)*  
Tính tốc độ tăng trưởng của sản lượng khí tự nhiên của nước ta năm 2021 (làm tròn đến chữ số thập phân đầu tiên).  
**Câu 4.** Cho bảng số liệu:  
SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN ƯỚP ĐÔNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021  
  
  
  
  
**Năm**  
  
  
**2010**  
  
  
**2015**  
  
  
**2020**  
  
  
**2021**  
  
  
  
  
Thuỷ sản ướp đông *(nghìn tấn)*  
  
  
1 278,3  
  
  
1 666,0  
  
  
2 194,1  
  
  
2 070,4  
  
  
  
  
*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2016, 2022)*  
Tính sản lượng thuỷ sản ướp đông trung bình mỗi năm của nước ta giai đoạn 2010 – 2021 (đơn vị tính: nghìn tấn, làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).  
**ĐÁP ÁN**  
**PHẦN I.**  
(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)  
  
  
  
  
  
**Câu**  
  
  
**1**  
  
  
**2**  
  
  
**3**  
  
  
**4**  
  
  
**5**  
  
  
**6**  
  
  
**7**  
  
  
**8**  
  
  
**9**  
  
  
**10**  
  
  
  
  
Đáp án  
  
  
B  
  
  
A  
  
  
D  
  
  
B  
  
  
D  
  
  
C  
  
  
A  
  
  
B  
  
  
D  
  
  
B  
  
  
  
  
**Câu**  
  
  
**11**  
  
  
**12**  
  
  
**13**  
  
  
**14**  
  
  
**15**  
  
  
**16**  
  
  
**17**  
  
  
**18**  
  
  
**19**  
  
  
**20**  
  
  
  
  
Đáp án  
  
  
A  
  
  
C  
  
  
B  
  
  
C  
  
  
D  
  
  
A  
  
  
B  
  
  
D  
  
  
C  
  
  
A  
  
  
  
  
  
**PHẦN II.**  
(Mỗi lựa chọn đúng thí sinh được 0,25 điểm)  
  
  
  
  
  
  
  
**Nội dung a**  
  
  
**Nội dung b**  
  
  
**Nội dung c**  
  
  
**Nội dung d**  
  
  
  
  
**Câu 1**  
  
  
S  
  
  
Đ  
  
  
Đ  
  
  
S  
  
  
  
  
**Câu 2**  
  
  
Đ  
  
  
S  
  
  
Đ  
  
  
S  
  
  
  
  
**Câu 3**  
  
  
S  
  
  
S  
  
  
Đ  
  
  
Đ  
  
  
  
  
**Câu 4**  
  
  
S  
  
  
S  
  
  
Đ  
  
  
Đ  
  
  
  
  
**PHẦN III.**  
(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)  
**Câu 1.** 13%.  
**Câu 2.** 44%.  
**Câu 3.** 462,5%.  
**Câu 4.** 72 nghìn tấn.  
................................  
................................  
................................